



chéng bài

成败

noun · success or failure

Example Sentences

chéng bài zài cǐ yī jǔ
成 败在此一举。

Success or failure hinges on this one move.

bú yào guò fēn zài yì yī shí de chéng bài
不要过分在意一时的 成 败。

Don't care too much about temporary success or failure.

Trace each character, then write the word on your own.

成	成	成	成	成	成	成	成	成		
败	败	败	败	败	败	败	败	败	败	败